

Số: 10/2026/QĐST-HNGĐ

Tuyên Quang, ngày 29 tháng 01 năm 2026

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số: 74/2025/TLST-HNGĐ ngày 29 tháng 10 năm 2025, giữa:

- Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị K, sinh năm 1987; địa chỉ: tổ 05, xã M, tỉnh Tuyên Quang; dân tộc: Tày; nghề nghiệp: Giáo viên; Căn cước công dân số: 000000, cấp ngày 25/3/2021, nơi cấp: Cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội.

- Bị đơn: Bị đơn: Anh Nguyễn Văn T, sinh năm 1982; địa chỉ: tổ 05, xã M, tỉnh Tuyên Quang; dân tộc: Kinh; nghề nghiệp: Lao động tự do; Số Căn cước công dân 000000, cấp ngày 25/3/2021, nơi cấp: Cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội.

Căn cứ vào Điều 147; Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 55, Điều 57, Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ vào điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 21 tháng 01 năm 2026.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 21 tháng 01 năm 2026 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Nguyễn Thị K và anh Nguyễn Văn T.

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị K và anh Nguyễn Văn T nhất trí thuận tình ly hôn, (theo giấy chứng nhận kết hôn ngày 26/7/2005 của Ủy ban nhân dân xã T1, huyện S, tỉnh Tuyên Quang; Nay là xã T1, tỉnh Tuyên Quang).

- Về con chung: Chị Nguyễn Thị K và anh Nguyễn Văn T thỏa thuận chị Nguyễn Thị K là người trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục 02 con chung là cháu Nguyễn Ngọc T2, sinh ngày 04/12/2008 và cháu Nguyễn Ngọc C, sinh ngày 24/8/2015 cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi. Anh T không phải cấp dưỡng nuôi con chung. Thời điểm giao con kể từ khi Quyết định của Tòa án có hiệu lực pháp luật.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung. Việc nuôi con và không cấp dưỡng nuôi con là không cố định.

- Về tài sản, công nợ chung: Chị Nguyễn Thị K và anh Nguyễn Văn T tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về án phí: Chị Nguyễn Thị K tự nguyện chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm là 150.000^d (một trăm năm mươi nghìn đồng), được khấu trừ vào số tiền 300.000^d (ba trăm nghìn đồng), chị K đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0001093 ngày 29/10/2025 của Thi hành án dân sự tỉnh Tuyên Quang. Trả lại cho chị K 150.000^d (một trăm năm mươi nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí chênh lệch.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án và người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, Điều 7, Điều 7a, Điều 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Tuyên Quang;
- VKSND tỉnh Tuyên Quang;
- VKSND khu vực 8 - Tuyên Quang;
- THADS tỉnh Tuyên Quang;
- Các đương sự;
- UBND xã T1, tỉnh Tuyên Quang;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Hoàng Thị Vân